

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 26/01/2026

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa  
Chị Lý Thị H và anh Bàn Văn T ”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quang Luân.

2. Ông Hoàng Văn Thanh.

*- Thư ký phiên toà:* Bà Dương Thị Hường - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2 - Tuyên Quang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên toà:* Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 - Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm theo hình thức số hoá, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 128/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 02/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

*\* Nguyên đơn:* Chị Lý Thị H, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết 2, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

*\* Bị đơn:* Anh Bàn Văn T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết 2, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

*(Chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên toà, anh T vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai chị Lý Thị H trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Bàn Văn T có quan hệ vợ chồng hợp pháp, anh chị tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã T, tỉnh Tuyên Quang) ngày 03/01/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ tháng 12/2023 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh T không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng,

vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị không còn tình cảm với anh T, chị đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn T.

Về con chung: Chị Lý Thị H xác định, chị và anh Bàn Văn T có 01 con chung, cháu Bàn Anh T, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2016. Khi vợ chồng ly hôn chị đề nghị anh T người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Anh T, chị chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Chị Lý Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án có báo gọi nhưng anh Bàn Văn T không đến Tòa án để làm việc, Tòa án tiến hành xác minh, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định.

Kết quả xác minh tại thôn Km61, xã Y, ông Trần Văn T, Trưởng thôn Đoàn Kết 2 thể hiện: Chị Lý Thị H và anh Bàn Văn T có đăng ký hộ khẩu và cư trú tại thôn Đoàn Kết 2, xã T, tỉnh Tuyên Quang; Chị H và anh T có quan hệ vợ chồng hợp pháp, kết hôn từ năm 2017, sau khi kết hôn anh T và Chị H cùng chung sống tại thôn Đoàn Kết 2. Thôn không nắm được mâu thuẫn cụ thể của Chị H và anh T, nhưng từ năm 2024 đến nay Chị H đi làm và không cùng chung sống với anh T nữa. Chị H chỉ đi lại thăm con chung; việc Chị H xin ly hôn Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H và anh T có 01 con chung, cháu Bàn Anh T, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2016, khi anh chị sống ly thân cháu T ở với anh T, anh T đi làm thì bố mẹ đẻ anh T trông nom cháu T, cháu T vẫn được đi học và bảo đảm chăm sóc; trách nhiệm nuôi con chung của anh T và Chị H Tòa án giải quyết theo quy định. Chị H và anh T không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

Bà Tô Thị S, mẹ đẻ của anh Bàn Văn T cung cấp nội dung thông tin: Anh T và Chị H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, anh chị chung sống có phát sinh mâu thuẫn từ khoảng cuối năm 2023, từ năm 2024 Chị H đi làm ăn và không còn chung sống với anh T. Gia đình cũng đã có ý kiến khuyên giải để hoà giải mâu thuẫn cho anh chị nhưng Chị H dứt khoát không muốn hàn gắn. Khi Chị H nộp đơn ly hôn, Tòa án báo gọi anh T cũng có nói chuyện với gia đình là nhất trí ly hôn nhưng do đi làm không có thời gian đến Tòa án làm việc. Anh T và Chị H có 01 con chung, cháu Bàn Anh T, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2016, từ khi anh chị ly thân cháu T ở với anh T, do anh T nuôi dưỡng, những lúc anh T đi làm thì vợ chồng bà trông nom, chăm sóc cháu T. Cháu T hiện được đi học, được chăm sóc đầy đủ. Gia đình bà mong muốn anh chị ly hôn thì cháu T tiếp tục do anh T nuôi dưỡng, nhưng Chị H cũng phải có trách nhiệm với con chung. Chị H và anh T không có tài sản chung, không có vay nợ chung. Bà S xác nhận anh Hải vẫn cư trú tại địa phương, do điều

kiện đi làm không có thời gian nên không đến Toà án làm việc, anh T biết về việc Chị H xin ly hôn, có biết việc Toà án gửi các văn bản và giấy báo.

Cháu Bằng Anh T trình bày ý kiến: Từ khi bố mẹ sống ly thân, mẹ không ở nhà, thỉnh thoảng về thăm cháu, cháu ở với anh T và hàng ngày anh T đi làm thì ông bà nội chăm sóc. Cháu có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở với anh T nếu bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Lý Thị H được ly hôn với anh Bằng Văn T. Giao cháu Bằng Anh T, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2016, là con chung của Chị H và anh T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung; Chị H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết. Miễn án phí ly hôn sơ thẩm đối với chị Lý Thị H theo quy định, anh Bằng Văn T không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Lý Thị H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị H và anh Bằng Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã T, tỉnh Tuyên Quang), ngày 03 tháng 01 năm 2017. Quá trình chung sống hoà thuận, từ năm cuối năm 2023 xảy ra mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không còn quan tâm đến nhau. Từ đầu năm 2024 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn sự gắn kết tình cảm. Quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị H, xử cho Chị H được ly hôn với anh Bằng Văn T.

[2] Về con chung: Chị Lý Thị H và anh Bàn Văn T có 01 con chung, cháu Bàn Anh T, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2016. Từ khi anh chị sống ly thân cháu T do anh T nuôi dưỡng, cháu được đi học và bảo đảm về điều kiện chăm sóc. Chị H có ý kiến để anh T là người trực tiếp nuôi cháu T, chị cấp dưỡng nuôi cháu T, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Cháu T có nguyện vọng tiếp tục được ở với anh T nếu Chị H và anh T không còn chung sống. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung mà Chị H tự nguyện đề nghị. Quá trình nuôi dưỡng con chung, các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung; Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Lý Thị H xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; kết quả xác minh địa phương thể hiện Chị H anh T không có tài sản chung, vay nợ chung; Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Bàn Văn T không đến Tòa án để làm việc theo giấy báo gọi, Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Tuyên Quang đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của Chị H và anh T, cũng như đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Như vậy, việc anh T không đến Tòa án để làm việc thể hiện ý thức không tuân thủ pháp luật, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định.

Chị Lý Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, việc xin vắng mặt tại phiên tòa của Chị H là quyền được pháp luật quy định đối với các đương sự.

[5] Về án phí: Chị Lý Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm nhưng Chị H là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn án phí, nên miễn án phí ly hôn sơ thẩm đối với Chị H. Anh Bàn Văn T không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị H được ly hôn với anh Bàn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2017 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã T, tỉnh Tuyên Quang), cấp ngày 03 tháng 01 năm 2017 cho chị Lý Thị H và anh Bàn Văn T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Bàn Anh T, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2016 cho anh Bàn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom, chăm sóc; chị Lý Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bàn Anh T, mức cấp dưỡng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*)/tháng; phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ hàng tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2026 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị Lý Thị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn theo quy định.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm đối với chị Lý Thị H.

Anh Bàn Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị H và anh Bàn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV2 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã T (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thanh Huyền**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đàm Thị Kim Duyên - Trần Thị Vân Anh**

**Lương Thanh Huyền**









